

PHÂN TÍCH CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN THU NHẬP PHI NÔNG NGHIỆP CỦA HỘ GIA ĐÌNH Ở HUYỆN ĐỨC HOÀ, TỈNH LONG AN

TS. Nguyễn Văn Phúc¹
Huỳnh Thanh Phương²

TÓM TẮT

Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập phi nông nghiệp của hộ gia đình ở huyện Đức Hoà nhằm đo lường mức độ tác động của các yếu tố đến thu nhập phi nông nghiệp và có những kiến nghị, đề xuất giải pháp nâng cao thu nhập phi nông nghiệp của hộ gia đình tại địa bàn huyện Đức Hoà. Phương pháp phân tích bằng mô hình kinh tế lượng, cụ thể dùng mô hình kinh tế lượng hồi quy tuyến tính để xác định mức độ tác động của các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập phi nông nghiệp. Kết quả cho thấy các yếu tố có tác động đến thu nhập lao động của hộ dân là: học vấn trung bình của hộ, số người làm việc trong hộ, quy mô hộ gia đình, số năm học nghề của chủ hộ, vay vốn tín dụng, số năm đi học của chủ hộ và tình trạng giao thông.

ABSTRACT

The research on “Analysis of Factors Affecting Non-Farm Household Incomes in Duc Hoa District, Long An Province” is aimed at finding the factors that affect non-farm household incomes (NFHI) in Duc Hoa district. The study measures the impact of these factors on NFHI. Basing on the results, the study recommends solutions to help improving NFHI in Duc Hoa district.

The method of analysis in the research is mainly econometric linear regression model and econometric software SPSS are used to determine the impact of factors on NFHI.

The results showed the factors affecting NFHI as follows: average education of households, number of people working in the household, household size, number of technical training years of the household head, the credit loan, number of schooling years of household head and traffic conditions.

1. CƠ SỞ LÝ THUYẾT

1.1. Các khái niệm

Có hai thuật ngữ cần phải phân biệt là: nền kinh tế phi nông nghiệp nông thôn (rural non-farm economy: RNFE) và hộ gia đình làm kinh tế phi nông nghiệp (non-farm household enterprises: NFHE), chúng ta có thể nhận thấy rằng, hộ gia đình làm kinh tế phi nông nghiệp là một phần của nền kinh tế phi nông nghiệp nông thôn (Reardon, 1997). Trình bày nghiên cứu này tập trung cụ thể vào kinh tế phi nông nghiệp của hộ gia đình

dựa trên cái chung tổng quát là kinh tế phi nông nghiệp nông thôn. Hoạt động phi nông nghiệp bao gồm: buôn bán, ngành nghề thủ công và dịch vụ ở nông thôn.

Khái niệm thu nhập phi nông nghiệp trong nghiên cứu này là toàn bộ thu nhập từ các hoạt động không liên quan trực tiếp đến sản xuất cây trồng và vật nuôi. Nó bao gồm cả thu nhập từ các hoạt động chế biến nông sản tại nhà cũng như hoạt động làm thuê tại các nhà máy lớn; nhưng không bao gồm thu nhập từ các hoạt động làm thuê trong nông nghiệp.

¹Phó Hiệu trưởng, Trường Đại học Mở TP.HCM.

²Khoa Kinh tế và Luật, Trường Đại học Mở TP.HCM.

1.2. Tổng hợp sự tác động tích cực và tiêu cực của việc đa dạng hóa nguồn thu nhập

Theo Micevska và Rahut (2007), những nghiên cứu gần đây cho thấy các vùng nông thôn nghèo khó đã từng bước tham gia vào các hoạt động sản xuất kinh tế phi nông nghiệp. Các hoạt động được xem như là phụ trội bên ngoài các hoạt động thuần nông nghiệp và bổ sung vào nguồn thu nhập của họ. Việc đa dạng hóa nguồn thu nhập ở nông thôn đã đem lại những tác động tích cực; tuy nhiên, song song đó, nó cũng tồn tại tương ứng những tác động tiêu cực. Cụ thể như sau:

i. Tác động tích cực

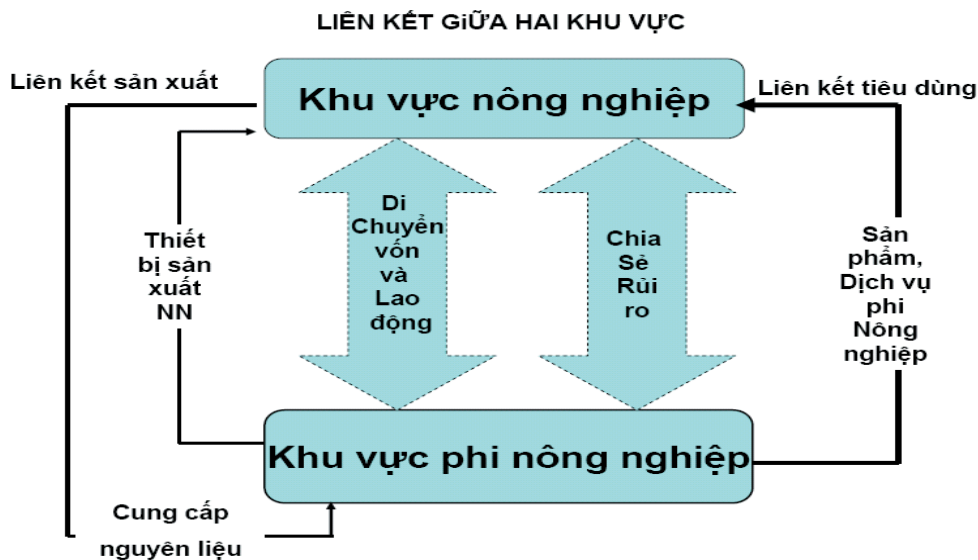
Thứ nhất, đa dạng hóa thu nhập có thể giúp người lao động ở nông thôn giảm thiểu rủi ro. Khi có vấn đề gì xảy ra đối với hoạt động sản xuất nông nghiệp của họ như thiên tai, dịch bệnh thì nguồn thu nhập chính sẽ được bù đắp và hỗ trợ bằng các nguồn khác. Vì vậy, sự đa dạng hóa nguồn thu nhập đối với người lao động ở nông thôn là rất cần thiết. Thứ hai, đa dạng hóa thu nhập có thể giúp tăng thu nhập của hộ gia đình. Các hoạt động nông nghiệp thường theo mùa vụ và phụ thuộc rất nhiều vào điều kiện tự nhiên. Ngoài ra, lợi nhuận từ sản phẩm nông nghiệp thường không được cao hoặc thậm chí đang có xu hướng giảm dần. Thu nhập từ hoạt động nông nghiệp do đó không ổn định và thường thấp. Việc đa dạng hóa nguồn thu nhập từ nhiều hoạt động sản xuất giúp hộ gia đình nông thôn có thể ổn định và thậm chí là cải thiện thu nhập. Ba là, đa dạng hóa thu nhập có thể giúp giảm nghèo đói, đặc biệt là ở khu vực nông thôn. Khi các hộ gia đình tăng thu nhập, mức sống của họ tăng lên. Từ đó, giảm đói nghèo và giảm khoảng cách thu nhập giữa các khu vực thành thị và nông thôn.

ii. Tác động tiêu cực

Việc đa dạng hóa thu nhập có thể dẫn đến sự di cư không mong muốn của hộ gia đình. Họ có thể đi tìm đến những nơi ở khác mà ở đó họ kiếm được thu nhập cao hơn, hoặc có thể bán tất cả đất nông nghiệp và chuyển đến khu vực đô thị. Vì vậy, nếu không có các chính sách cụ thể để giải quyết vấn đề này, việc tái phân bổ các hộ gia đình có thể tạo ra một số vấn đề kinh tế - xã hội khó khắc phục về sau. Bên cạnh đó, việc đa dạng hóa thu nhập có thể làm phân tán nguồn lực của gia đình. Nguồn lực của các hộ gia đình ở nông thôn thường không được phong phú và hoàn toàn có thể bị mai một nếu không được định hướng hiệu quả với mục tiêu rõ ràng. Ngoài ra, nếu việc đa dạng hóa thu nhập không được thực hiện một cách hiệu quả, nó có thể trở thành gánh nặng cho các hộ gia đình ở nông thôn. Thất bại có thể đến từ những khó khăn chủ quan như khả năng học tập và sức sản xuất, hoặc từ những khó khăn khách quan, như việc hoạch định chính sách của chính phủ.

1.3. Mối liên kết giữa khu vực nông nghiệp và phi nông nghiệp

Hình 1 cho thấy khu vực nông nghiệp và phi nông nghiệp có mối liên kết phụ thuộc lẫn nhau cả đầu vào và đầu ra. Người nông dân cần các sản phẩm của ngành công nghiệp phục vụ tiêu dùng hàng ngày và cho quá trình sản xuất như phân bón, thuốc trừ sâu, máy móc thiết bị... Đổi lại họ cung cấp các nguyên liệu đầu vào cho ngành công nghiệp. Người sản xuất phi nông nghiệp mua lương thực thực phẩm từ nông dân. Vậy hai mối liên hệ thể hiện rõ nét đó là mối liên hệ về sản xuất và mối liên hệ về tiêu dùng, mặc dù trong thực tế mối liên hệ về sản xuất và tiêu dùng giữa hai khu vực rất phức tạp.

Hình 1: Môi liên kết giữa khu vực nông nghiệp và khu vực phi nông nghiệp

(Nguồn: Lê Xuân Bá và cộng sự, 2006)

Một nhóm quan hệ khác cũng rất đáng quan tâm đó là các liên kết về vốn và lao động, luồng vốn có thể di chuyển giữa hai khu vực. Tiết kiệm của khu vực nông nghiệp có thể được đầu tư cho phát triển công nghiệp và ngược lại. Năng suất lao động trong nông nghiệp tăng lên vừa có thể giải phóng lao động vừa có thể tăng tỷ lệ lương trong khu vực phi nông nghiệp do mức thu nhập trung bình của khu vực nông nghiệp được tăng lên, đòi hỏi mức lương của khu vực phi nông nghiệp cũng phải tăng cao mới thu hút được lao động. Ngược lại, năng suất lao động tăng lên trong khu vực phi nông nghiệp có thể hạn chế dòng lao động từ nông nghiệp chuyển sang do cầu về lao động giảm. Mỗi quan hệ chia sẻ rủi ro được đề cập vì sản xuất nông nghiệp gặp nhiều rủi ro do thời tiết và người nông dân muốn đa dạng hóa hoạt động sản xuất của mình nhằm chia sẻ rủi ro. Một số nhà nghiên cứu chỉ ra rằng chính hoạt động phi nông nghiệp cũng tiềm ẩn nhiều rủi ro. Vì vậy, chưa thể khẳng định do chia sẻ rủi ro mà người nông dân tham gia vào hoạt động phi nông nghiệp.

1.4. Các lý thuyết liên quan đến vấn đề thu nhập, lao động và tiền lương

Lý thuyết về các yếu tố “kéo” và “đẩy” tham gia hoạt động phi nông nghiệp

của nông dân: Theo Reardon (1997) đưa ra các nhân tố “đẩy” sau đây: (1) tăng trưởng dân số, (2) tăng sự khan hiếm của đất có thể sản xuất, (3) giảm khả năng tiếp cận với đất phi nhiêu, (4) giảm độ màu mỡ và năng suất của đất, (5) giảm các nguồn lực tự nhiên cơ bản, (6) giảm doanh thu đối với nông nghiệp, (7) tăng nhu cầu tiền trong cuộc sống, (8) các sự kiện và các cú sốc xảy ra, (9) thiếu khả năng tiếp cận đối với các thị trường đầu vào cho sản xuất nông nghiệp, (10) thiếu vắng các thị trường tài chính nông thôn. Hơn nữa, ông cũng gợi ý các nhân tố “kéo” sau đây: (1) doanh thu cao hơn của lao động phi nông nghiệp, (2) doanh thu cao hơn khi đầu tư vào lĩnh vực phi nông nghiệp, (3) rủi ro thấp hơn của khu vực phi nông nghiệp so với khu vực nông nghiệp, (4) tạo ra tiền mặt để đáp ứng các nhu cầu chi tiêu của gia đình và (5) nhiều cơ hội đầu tư. Tóm lại, nhân tố “kéo” đưa ra những sự hấp dẫn của khu vực phi nông nghiệp đối với người nông dân. Nhân tố “đẩy” liên quan đến áp lực hoặc các hạn chế của khu vực nông nghiệp buộc nông dân tìm kiếm thu nhập khác nếu họ muốn cải thiện các điều kiện sống của mình.

Quan hệ “kéo” và “đẩy” đưa ra một khuôn khổ tương đối toàn diện cho việc xác định sự tham gia của hộ nông dân vào

các hoạt động phi nông nghiệp. Tuy nhiên, mô hình này chỉ phân tích cung lao động của hộ mà chưa có những phân tích về các yếu tố phát sinh từ bản thân người lao động và môi trường xung quanh. Về mặt thực tiễn, hai hộ gia đình có các điều kiện giống nhau nhưng ở hai vùng địa lý khác nhau sẽ có các phản ứng khác nhau khi tham gia vào hoạt động phi nông nghiệp. Cũng có thể hai hộ gia đình có cùng điều kiện và trong cùng một vùng nhưng các điều kiện về bản thân của lao động khác nhau cũng dẫn đến những khác biệt trong quyết định tham gia vào khu vực phi nông nghiệp. Nghiên cứu cần có một khung lý thuyết hoàn thiện hơn.

Tương tự mô hình về mối liên kết giữa hai khu vực, một điểm khá quan trọng trong quan hệ “kéo” và “đẩy” là sự giao thoa giữa hai nhóm yếu tố. Thực tế, có những yếu tố khó có thể ghép vào quan hệ “kéo” hay “đẩy”. Bởi vì, ở một quy mô nhất định nó là yếu tố “kéo”, nhưng ở một quy mô khác nó lại là yếu tố “đẩy”.

Mô hình tham gia lao động: Theo mô hình hộ gia đình nông thôn cổ điển, lao động đáp ứng nhiều loại công việc khác nhau được xác định chung và vì vậy, cũng được xem xét cùng một lúc (Singh và các tác giả, 1986). Ở đây, mô hình bi-probit được sử dụng để đánh giá chính xác loại hình làm công ăn lương và loại hình thu nhập tự tạo từ phi nông nghiệp. Cách tiếp cận này cho thấy sự ảnh hưởng qua lại giữa hai loại hình này. Mô hình bi-probit cũng có thể được sử dụng để đánh giá sự tác động của các yếu tố quyết định khác nhau đến việc lựa chọn nghề nghiệp. Các biến giải thích bao gồm cả các biến đặc thù hộ gia đình và đặc thù cộng đồng.

Mô hình thu nhập: Mô hình hồi quy bi-probit tạo ra sự đảo chiều của tỉ lệ Mills (IMR). Chúng ta sử dụng sự đảo chiều này để sửa chữa vấn đề chọn lọc mẫu trong các mô hình thu nhập từ lương và thu nhập tự tạo. Thu nhập hằng năm

từ hoạt động là biến phụ thuộc. Các biến giải thích bao gồm đầu tư vốn về vật chất, đất đai, lao động, học vấn và đặc thù của cộng đồng là các biến độc lập (Meng và Wu, 1998; Morduch và Sicular, 2002; Zhang và cộng sự, 2001).

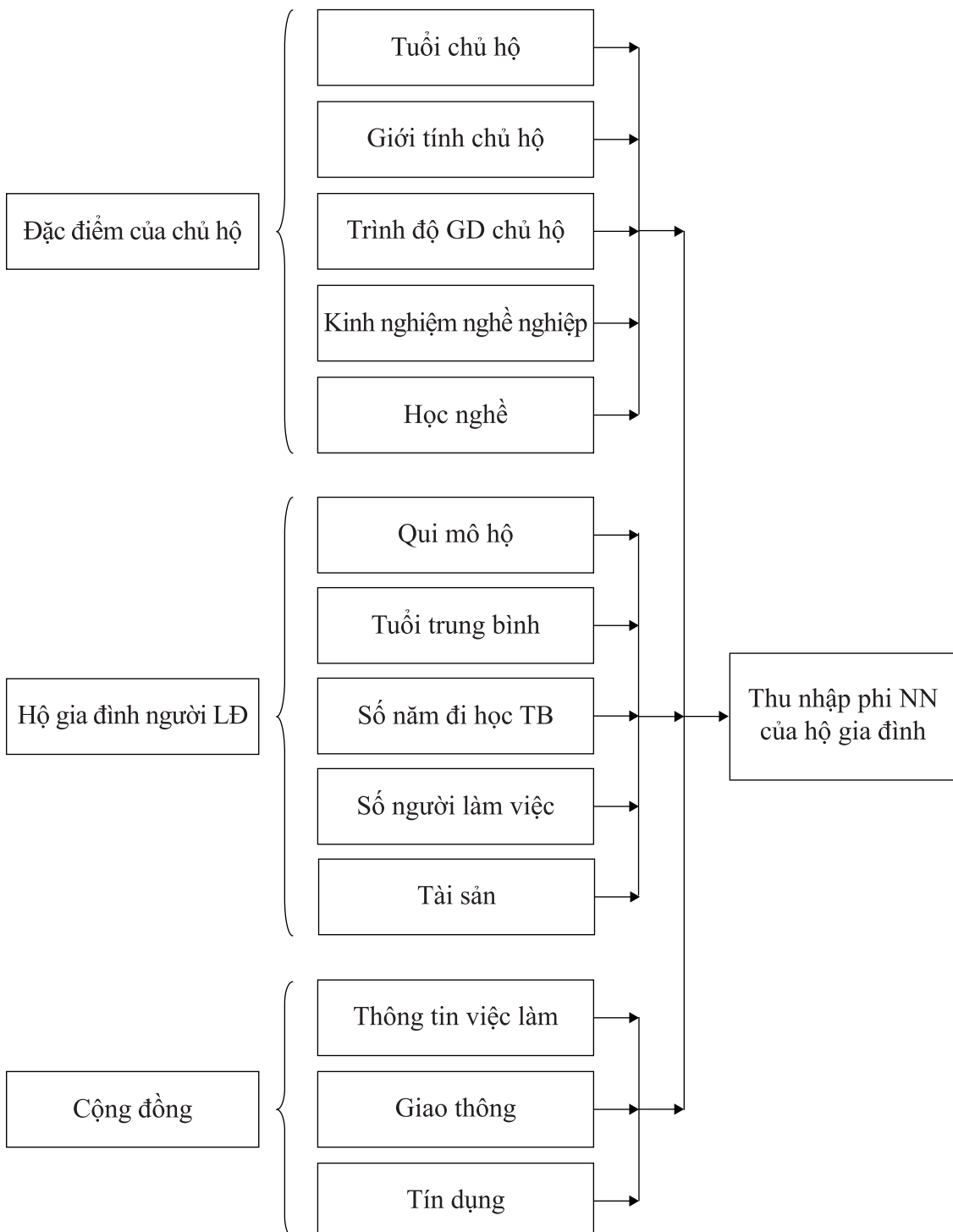
Mô hình kinh tế hộ nông dân với hoạt động phi nông nghiệp: Mô hình hộ nông dân đưa ra khung phân tích tương đối tổng hợp cho việc phân tích quyết định của hộ nông dân về phân bổ thời gian, tiêu dùng và sản xuất. Phiên bản đầu tiên của mô hình này do Chyanov - một nhà kinh tế học người Nga đầu thế kỷ 20 xây dựng. Một phiên bản sau này được tìm thấy trong Singh, Squire and Strauss (1986). Phiên bản này có sự cải tiến nhất định so với mô hình ban đầu và được xây dựng trong khuôn khổ của mô hình liên kết hai khu vực. Tuy nhiên, mô hình của Singh được phát triển cho việc xem xét mối quan hệ giữa làm thuê và tự làm dựa trên mức lương ở thị trường lao động. Trong bối cảnh nông thôn của các nước đang phát triển, khi thị trường lao động còn sơ khai thì mô hình của Singh không hoàn toàn phù hợp. Một phiên bản khác của mô hình kinh tế hộ đưa ra khung phân tích sâu hơn về quan hệ nông nghiệp và phi nông nghiệp là của Lopez (1986). Trong mô hình này, các yếu tố như đặc điểm bản thân người lao động, chất lượng lao động, thời gian nhàn rỗi, giá cả của sản phẩm nông nghiệp, tiền lương phi nông nghiệp, thu nhập nông nghiệp và thu nhập ngoài lao động đều có ảnh hưởng đến quyết định tham gia hoạt động phi nông nghiệp của người lao động và qua đó tác động đến thu nhập phi nông nghiệp của hộ gia đình. So với lý thuyết về các yếu tố “kéo” và “đẩy” tham gia hoạt động phi nông nghiệp thì mô hình kinh tế hộ là một mô hình hoàn chỉnh hơn rất nhiều. Tuy nhiên, nó bỏ sót một số yếu tố như: sự tăng trưởng dân số, sự khan hiếm của đất sản xuất và sự cạn kiệt độ màu mỡ của đất và cũng chưa đề

cập đến nhóm yếu tố vùng hay môi trường xung quanh của lao động. Do đó, sự kết hợp của lý thuyết về các yếu tố “kéo” và “đẩy” tham gia vào hoạt động phi nông nghiệp của lao động và mô hình kinh tế hộ nông dân với hoạt động phi nông nghiệp trên nền tảng đã được khẳng định rằng có sự dịch chuyển vốn và lao động giữa hai khu vực nông nghiệp và phi nông nghiệp là hết sức cần thiết cho nghiên cứu.

2. MÔ HÌNH NGHIÊN CỨU

2.1. Mô hình nghiên cứu đề nghị

Nghiên cứu về thu nhập phi nông nghiệp của hộ gia đình người lao động nông thôn huyện Đức Hòa sẽ phân tích tác động theo ba nhóm nhân tố chính: (1) đặc điểm bản thân của chủ hộ, (2) đặc điểm hộ gia đình người lao động, (3) khả năng tạo thu nhập của cộng đồng. Nghiên cứu sẽ được phân tích cụ thể theo sơ đồ sau:



2.2. Mô hình kinh tế lượng xác định các nhân tố tác động đến thu nhập phi nông nghiệp

Phân tích hồi quy là nghiên cứu sự phụ thuộc của một biến (biến phụ thuộc) vào một hay nhiều biến khác (biến giải thích). Trên cơ sở đó, ta có thể dự báo giá trị trung bình của biến phụ thuộc khi biết được giá trị của biến giải thích.

Mô hình hồi quy có dạng:

$$Y_i = \beta_0 + \beta_1 X_1 + \beta_2 X_2 + \dots + \beta_{13} X_{13} + e_i \quad (3.1)$$

Trong đó:

Y_i : biến phụ thuộc (thu nhập phi nông nghiệp của hộ gia đình)

X_1 (Tuổi chủ hộ): biến số tuổi tính từ năm sinh của chủ hộ. Kỳ vọng mang dấu (+).

X_2 (Giới tính chủ hộ): biến dummy, nhận giá trị 0 nếu chủ hộ là nữ, nhận giá trị 1 nếu chủ hộ là nam. Kỳ vọng mang dấu (+).

X_3 (Trình độ GD chủ hộ): là biến thể hiện số năm đi học của chủ hộ. Kỳ vọng mang dấu (+).

X_4 (Kinh nghiệm nghề nghiệp): biến thể hiện số năm tích lũy kinh nghiệm trong nghề nghiệp của chủ hộ. Kỳ vọng mang dấu (+).

X_5 (Số năm học nghề): Kỳ vọng mang dấu (+).

X_6 (quy mô hộ): biến thể hiện số người sống trong một hộ, không tính đến người làm thuê và ở nhờ. Kỳ vọng mang dấu (-).

X_7 (tuổi trung bình): biến số tuổi trung bình của tất cả các thành viên trong hộ. Kỳ vọng mang dấu (+).

X_8 (số năm đi học): biến thể hiện số năm đi học trung bình của các thành viên trong hộ. Kỳ vọng mang dấu (+).

X_9 (số người làm việc): là biến thể hiện số người làm việc, hoạt động tạo thu nhập trong hộ gia đình. Kỳ vọng mang dấu (+).

X_{10} (tài sản của hộ: bao gồm công cụ, dụng cụ, nhà xưởng, vốn,...): Kỳ vọng mang dấu (+).

X_{11} (Thông tin việc làm): là biến dummy, nhận giá trị 0 nếu hộ không được tiếp cận với các thông tin hướng nghiệp và việc làm, nhận giá trị 1 nếu hộ tiếp cận tốt với các thông tin việc làm. Kỳ vọng mang dấu (+).

X_{12} (Tình trạng giao thông): Nếu gần đường giao thông chính thì hộ gia đình có nhiều điều kiện tạo việc làm phi nông nghiệp tăng thu nhập do giao thông thuận tiện, tiết kiệm chi phí. Kỳ vọng mang dấu (+).

X_{13} (Tín dụng): là biến dummy, nhận giá trị 0 nếu hộ không được tiếp cận với tín dụng, nhận giá trị 1 nếu hộ tiếp cận tốt với các dịch vụ tín dụng, tiếp cận với các khoản vay của các tổ chức tín dụng, ngân hàng... Kỳ vọng mang dấu (+).

2.3. Dữ liệu nghiên cứu:

Phỏng vấn trực tiếp người lao động của 250 hộ gia đình tại hai xã Đức Hòa Đông và Hựu Thạnh thuộc huyện Đức Hòa tỉnh Long An.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Kết quả thống kê mô tả

Thu nhập phi nông nghiệp

Qua kết quả thu thập số liệu của 250 hộ gia đình, thu nhập phi nông nghiệp bình quân của hộ gia đình trong một năm là 40,65 triệu đồng, thấp nhất là 14,4 triệu đồng, cao nhất là 120,3 triệu đồng. Trong đó, thu nhập phi nông nghiệp từ 10 đến 20 triệu đồng là 32 hộ, chiếm tỷ lệ 12,8%, từ 20,05 đến 30 triệu đồng 63 hộ (25,2%), từ 30,05 đến 40 triệu đồng 53 hộ (21,2%), từ 40,05 đến 50 triệu đồng 29 hộ (11,6%), và trên 50 triệu đồng là 73 hộ (29,2%) (bảng 1).

Bảng 1: thu nhập phi nông nghiệp của hộ gia đình (triệu đồng/hộ/năm)

Thu nhập phi nông nghiệp (triệu đồng/năm/hộ)		Số hộ	Tỉ lệ %
Valid	Thu nhập từ (10,00-20,00)	32	12.8
	Thu nhập từ (20.05-30.00)	63	25.2
	Thu nhập từ (30.05-40.00)	53	21.2
	Thu nhập từ (40.05-50.00)	29	11.6
	Thu nhập trên 50	73	29.2
	Tổng	250	100.0

(Nguồn: Thu thập thực tế tại huyện Đức Hòa)

Thu nhập phi nông nghiệp của hộ gia đình theo số liệu khảo sát tương đối thấp: thu nhập dưới 30 triệu đồng/năm/hộ chiếm 38% (95 hộ), thực tế phần lớn là những hộ gia đình hỗn hợp, ngoài thời gian làm nông nghiệp còn tham gia các hoạt động phi nông nghiệp để tăng thu nhập.

3.2. Kết quả nghiên cứu định lượng

Mô hình được xây dựng gồm 13 biến như trong phương trình (3.2), sau khi kiểm định đa cộng tuyến bằng ma trận tương quan nhận thấy các biến tài sản của hộ, tuổi chủ hộ, tuổi trung bình của hộ, và biến kinh nghiệm có hệ số tương quan cao, lớn hơn 0,8 vì vậy các biến trên được loại khỏi mô hình ước lượng.

Bảng 2: Kết quả hồi quy của mô hình

	B (hệ số ước lượng)	t	Sig.
Hằng số (Constant)	18.685	5.339	.000
Quy mô hộ gia đình	-3.134	-5.044	.000***
Số người làm việc trong hộ	5.798	6.643	.000***
Học vấn trung bình của hộ	2.253	9.106	.000***
Số năm đi học của chủ hộ	.419	2.173	.031**
Giới tính của chủ hộ	-.213	-.157	.875
Số năm học nghề của chủ hộ	2.563	4.602	.000***
Thông tin việc làm	-.980	-.918	.360
Khoảng cách từ nhà đến đường giao thông chính	-.252	-2.217	.028**
Được hỗ trợ vay vốn tín dụng	4.251	3.263	.001***
N	250		
R ²	0,844		
R ² hiệu chỉnh	0,838		
F thống kê	144,585		

(Nguồn: Thu thập thực tế tại huyện Đức Hòa)

Ghi chú: *** mức ý nghĩa 1%, ** mức ý nghĩa 5%

Kết quả hồi qui cho thấy các biến: số người làm việc trong hộ, học vấn trung bình của hộ, số năm đi học của chủ hộ, số năm học nghề của chủ hộ, vay vốn tín dụng là biến ảnh hưởng cùng chiều với thu nhập phi nông nghiệp. Cụ thể:

Số người làm việc trong hộ là biến ảnh hưởng thuận chiều đến thu nhập phi nông nghiệp của hộ và có ý nghĩa thống kê cao ở mức 1%, điều này phù hợp với giả thuyết đặt ra ban đầu. Cụ thể, khi số người làm việc trong hộ tăng lên 01 người và các yếu tố khác không đổi thì thu nhập phi nông nghiệp tăng 5.798.000 đồng. Thực tế tại nông thôn Việt Nam hiện nay, khi có thêm người làm việc thì việc tự sản xuất của hộ gia đình thêm thuận lợi, không phải mất chi phí thuê mướn thêm nhân công nhưng hiệu quả lại cao hơn so với việc sử dụng lao động thuê mướn.

Số năm đi học của chủ hộ là biến ảnh hưởng thuận chiều đến thu nhập phi nông nghiệp của hộ và có ý nghĩa thống kê ở mức 5%. Cụ thể, khi số năm đi học của chủ hộ tăng lên 01 năm và các yếu tố khác không đổi thì thu nhập phi nông nghiệp tăng 419.000 đồng. Kết quả này phù hợp với nghiên cứu của Lê Văn Toàn (2009) khẳng định sự tác động của yếu tố học vấn đến phân tầng về mức sống. "...nếu một lao động nông thôn qua trường học, đào tạo từ 5-7 năm thì năng suất lao động của họ tăng lên 10-20%... Nghiên cứu đã tìm ra xu hướng tác động của học vấn làm tăng giàu và giảm nghèo khi trình độ học vấn của chủ hộ tăng dần". Thực tế khi số năm đi học tăng lên thì trình độ của chủ hộ tăng lên và trong trường hợp các nhân tố ảnh hưởng khác tương đương thì sự khác biệt về số năm đi học của chủ hộ sẽ giúp cho hộ có điều kiện sử dụng máy móc thiết bị, áp dụng sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật để nâng cao năng suất, giảm thời gian lao động và có thời gian làm việc khác nâng cao thu nhập hoặc nghỉ ngơi để tái tạo sức lao động.

Số năm học nghề của chủ hộ cũng ảnh hưởng cùng chiều với thu nhập phi nông nghiệp, và có ý nghĩa thống kê cao ở mức 1%. Khi số năm học nghề của chủ hộ tăng lên 01 năm và các yếu tố khác không đổi thì thu nhập phi nông nghiệp tăng 2.563.000 đồng. Tác động của biến này cũng tương tự như biến số năm đi học của chủ hộ, nhưng hệ số hồi qui mang dấu dương và tương đối lớn trong mô hình thể hiện nó sẽ có tác động lớn đến thu nhập phi nông nghiệp của hộ gia đình. Thực tế có thể thấy rằng, hệ thống đào tạo nghề sau một thời gian dài trì trệ được khôi phục lại, huyện đã có Trường trung cấp nghề, tuy nhiên vẫn lúng túng trong vận hành và quản lý hệ thống này. Ngay cả trường hợp với đối tượng lao động nông nghiệp dôi dư từ đền bù giải tỏa khi xây dựng các khu công nghiệp được tỉnh cam kết đưa đi đào tạo nhưng thực tế phần lớn tỉnh cũng không giải quyết được, câu hỏi là đào tạo nghề gì cho phù hợp hiện nay dường như đều bị bỏ ngỏ, cả cấp quản lý, trường nghề, và người lao động đều lúng túng. Trong khi đó, nhiều doanh nghiệp lại cho rằng thực tế họ phải tự đào tạo nhiều hơn vì ngay cả thu nhận công nhân đã qua đào tạo khi về doanh nghiệp đều phải đào tạo lại.

Học vấn trung bình của hộ cũng ảnh hưởng cùng chiều với thu nhập phi nông nghiệp, và có ý nghĩa thống kê cao ở mức 1%. Khi học vấn trung bình của hộ tăng lên 01 năm và các yếu tố khác không đổi thì thu nhập phi nông nghiệp tăng 2.253.000 đồng. Tác động của biến này cũng tương tự như biến số năm đi học của chủ hộ và biến số năm học nghề của chủ hộ, cụ thể hệ số hồi qui mang dấu dương và tương đối lớn trong mô hình thể hiện nó sẽ có tác động lớn đến thu nhập phi nông nghiệp của hộ gia đình. Thực tế khi số năm đi học trung bình của hộ tăng lên, thể hiện trình độ của các thành viên trong gia đình tăng tương ứng và điều này giúp người lao động có nhiều cơ hội tiếp cận

với công nghệ, thị trường lao động cũng như nâng cao cơ hội cải thiện thu nhập, đặc biệt là thu nhập phi nông nghiệp.

Tín dụng cũng ảnh hưởng cùng chiều với thu nhập phi nông nghiệp, có ý nghĩa thống kê cao ở mức 1%. Khi hộ gia đình có vay vốn ngân hàng thì thu nhập phi nông nghiệp của hộ tăng lên 4.251.000 đồng so với hộ không vay vốn ngân hàng (trong điều kiện các yếu tố khác không đổi). Điều này phù hợp với nghiên cứu của Ray (1999), tín dụng rất cần đối với các hộ gia đình nhỏ ở nông thôn. Trong thực tế, chính sách tín dụng nông thôn ở Việt Nam thường được sử dụng như một công cụ của chính sách phúc lợi xã hội, hướng tín dụng đến các vùng và các hộ nông dân nghèo thông qua các hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội (trước đây là Ngân hàng người nghèo) cùng với Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn. Chính sách lãi suất hiện nay vẫn có những phân biệt nhất định giữa các khoản vay: lớn và nhỏ, trung hạn và dài hạn cũng như giữa các khách hàng khác nhau. Giới hạn mức cho vay phụ thuộc vào bản thân cá nhân vay tiền, có liên quan đến khối lượng tài sản đảm bảo dùng để thế chấp. Các khoản vay sẽ còn phụ thuộc vào hộ nông dân thuộc nhóm nào (nghèo hay giàu, sản xuất quy mô hộ hay trang trại...). Do tài sản có thể thế chấp của các hộ nông gia đình ở nông thôn thường có giá trị thấp, vì vậy các khoản vay này thường khá nhỏ. Mặt khác, dù lãi cao gấp nhiều lần ngân hàng, hình thức cho vay không chính chống vẫn thu hút một số đối tượng khách hàng nhờ ưu điểm hơn về mặt thủ tục và thời gian so với vay chính thống. Còn trong ngân hàng, lãi suất cho vay tiêu dùng phổ biến 22-25% một năm, vay sản xuất có khi 27%. Thủ tục gắt gao, thẩm định, xét duyệt kỹ càng chính là các yếu tố khiến cho người cần vốn rất khó vay từ ngân hàng dù mức lãi suất thấp hơn nhiều so với bên ngoài.

Hai biến: quy mô hộ và khoảng cách từ nhà đến đường giao thông chính là biến

ảnh hưởng trái chiều với thu nhập phi nông nghiệp và có ý nghĩa thống kê ở mức 1% và 5%. Cụ thể như sau:

Quy mô hộ gia đình có ảnh hưởng trái chiều với thu nhập phi nông nghiệp và có ý nghĩa thống kê ở mức cao 1%. Khi quy mô hộ gia đình tăng lên 01 người và các yếu tố khác không đổi thì thu nhập phi nông nghiệp của hộ gia đình giảm 3.134.000 đồng. Điều này phù hợp với điều tra xã hội học gần đây của Lê Văn Toàn (2009), cho rằng gia đình đông con sẽ dẫn đến nghèo đói và số con trong các hộ nghèo thường cao hơn các hộ giàu. Thực tế tại địa phương, quy mô hộ gia đình cao thường rơi vào các hộ nghèo và thường có số người phụ thuộc nhiều hơn so với hộ giàu và họ thường có mức thu nhập thấp, điều này sẽ trở thành gánh nặng và là nguyên nhân làm cho người nghèo khó có khả năng vươn lên thoát nghèo.

Khoảng cách từ nhà đến đường giao thông chính có ảnh hưởng trái chiều với thu nhập phi nông nghiệp và có ý nghĩa thống kê ở mức 5%. Khi khoảng cách từ nhà đến đường giao thông chính tăng lên 1km và các yếu tố khác không đổi thì thu nhập phi nông nghiệp của hộ gia đình giảm 252.000 đồng. Điều này phù hợp với nghiên cứu trước: Các nghiên cứu thực nghiệm đều cho thấy việc cải thiện cơ sở hạ tầng thiết yếu như hệ thống giao thông và điện lưới đều kéo theo sự phát triển mạnh mẽ về kinh tế và xã hội của các cộng đồng dân cư (Lê Xuân Bá, 2006). Thực tế tại huyện Đức Hòa hiện nay, do được quy hoạch là đô thị vệ tinh của Thành phố Hồ Chí Minh nên hệ thống hạ tầng giao thông được chú trọng đầu tư tương đối phát triển, vì vậy biến tình trạng giao thông tuy ảnh hưởng với mức ý nghĩa 5% nhưng mức độ tác động không lớn (252.000 đồng).

Như vậy, các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập phi nông nghiệp của hộ gia đình là: học vấn trung bình của hộ, số người làm việc trong hộ, quy mô hộ gia đình,

số năm học nghề của chủ hộ, được vay vốn tín dụng, số năm đi học của chủ hộ và khoảng cách từ nhà đến đường giao thông chính.

4. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT CHÍNH SÁCH

4.1. Kết luận

Việc tăng thu nhập của hộ gia đình vùng nông thôn thể hiện ở việc đa dạng hóa sản xuất, phát triển nông nghiệp toàn diện để đáp ứng nhu cầu đầu vào của công nghiệp, phát triển ngành nghề phi nông nghiệp nhằm rút bớt lao động ra khỏi nông nghiệp và nông thôn, làm tiền đề để phát triển công nghiệp. Thực tế tại địa phương cho thấy, quá trình đô thị hoá – công nghiệp hoá, đất đai nông nghiệp ngày càng bị thu hẹp, thời gian nông nhàn tăng lên và việc làm nông thôn càng trở nên khó khăn, vì thế việc thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động phù hợp với cơ cấu kinh tế là hết sức cần thiết. Tuy nhiên, nghiên cứu đã chỉ ra thấy lực lượng lao động nông thôn chưa đáp ứng tốt chất lượng cho thị trường lao động, vì vậy khả năng gia nhập thị trường lao động phi nông nghiệp vẫn sẽ còn bị hạn chế, một số nguyên nhân chủ yếu như sau: (i) lao động vốn xuất phát chủ yếu từ nông dân, có nhiều hạn chế về năng lực và trình độ học vấn cũng như trình độ chuyên môn nghề nghiệp; (ii) quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn là quan trọng nhất và có nhiều ý nghĩa, nhất là chuyển dịch cơ cấu lao động giữa nông nghiệp và phi nông nghiệp. Động lực hay yếu tố kinh tế chủ yếu thúc đẩy sự dịch chuyển lao động giữa các ngành khác nhau là sự chênh lệch về lương (hay thu nhập của lao động) giữa các ngành nghề. Ngoài ra, các yếu tố khác như tình trạng giao thông, khả năng tiếp cận với tín dụng, quy mô hộ gia đình, số người làm việc trong hộ... cũng có những ảnh hưởng nhất định đến thu nhập phi nông nghiệp của hộ gia đình vùng nông thôn.

4.2. Các đề xuất chính sách

4.2.1. Đối với chính quyền

Về giáo dục: Một giải pháp cần thiết là miễn, giảm học phí ở bậc học tiểu học và trung học cơ sở, nhất là các hộ nghèo, hộ thu nhập thấp. Bởi vì, những hộ được xếp vào dạng nghèo, thu nhập thấp thường thì khoản chi phí cho con đi học gặp rất nhiều khó khăn. Tránh tình trạng người nghèo rơi vào vòng lẩn quẩn: nghèo – nghỉ học – làm thuê – nghèo. Nếu nhà nước hay chính quyền địa phương có chính sách miễn toàn bộ học phí và phí xây dựng trường thì đây có thể là động lực lớn giúp nông dân cho con đến trường. Bên cạnh đó, chính quyền địa phương cần thực hiện công tác phổ cập giáo dục bậc tiểu học và trung học cơ sở, từng bước phổ cập giáo dục trung học phổ thông. Kịp thời động viên và hỗ trợ các em học sinh bỏ học tiếp tục đến trường. Tập trung tuyên truyền, vận động nhân dân hiểu được tầm quan trọng của việc học trong việc phát triển kinh tế gia đình, nâng cao thu nhập.

Về đào tạo nghề: Ngành Lao động Thương binh Xã hội có chính sách đào tạo nghề cho người lao động trước khi bước vào thị trường lao động và tham mưu cho UBND huyện các chương trình đào tạo nghề riêng, phù hợp cho từng đối tượng, đặc biệt là lao động nông thôn và phải phù hợp với nhu cầu của xã hội. Cụ thể ngành LĐTBXH cần liên hệ với các trường đào tạo nghề, cơ sở đào tạo trong ngành giáo dục... để xin chỉ tiêu đào tạo ở chính các trường đó cho đối tượng là lao động nông thôn được hưởng hỗ trợ theo Quyết định 1956/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 27 tháng 11 năm 2009 về việc Phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”. Người học ngoài việc được hưởng tiền hỗ trợ học theo hệ sơ cấp nghề còn được hỗ trợ về kinh phí đi lại, ăn ở từ các trường nơi mình đang

theo học. Ngoài ra, để tránh tình trạng “đem con bỏ chợ”, cần xây dựng mối liên kết giữa 4 bên (Phòng LĐTBXH - doanh nghiệp - người lao động - trường đào tạo) để đảm bảo người lao động sau khi học nghề có được việc làm.

Cần đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, đặc biệt là giao thông nông thôn nhằm thu hút các nhà đầu tư, phát triển các nhà máy, doanh nghiệp và các làng nghề truyền thống của huyện.

Nhà nước cần có chính sách cho vay vốn, vay ưu đãi cho người lao động trong các lĩnh vực sản xuất, phát triển ngành nghề mới, học nghề. Trong đó cần quan tâm lao động thuộc diện nghèo, thu hồi đất, hoặc thất nghiệp sau khi đi làm công nhân cho các công ty. Chú ý đến quy mô vốn vay theo yêu cầu và kỳ hạn trả nợ phù hợp với mô hình sản xuất có hiệu quả. Cải tiến thủ tục vay nợ, thanh lý nợ của các ngân hàng cần được thực hiện thuận lợi, nhanh chóng, không bị cản trở bởi những ràng buộc không hợp lý (các thủ tục công chứng khi vay vốn). Cần phổ biến kiến thức và quy trình vay vốn để người dân thông hiểu và mạnh dạn vay vốn khi có nhu cầu. Đa dạng hoá các hình thức vay vốn, có thể cho vay tín chấp và thế chấp, cho vay thông qua các tổ chức đoàn thể như: hội nông dân, hội phụ nữ, hội cựu chiến binh, đoàn thanh niên...

Cuối cùng, rất cần có những nghiên cứu một cách nghiêm túc và khoa học về công nghiệp hóa và đô thị hóa ở các vùng nông thôn để tổng kết kinh nghiệm, đánh giá đúng mức vai trò, vị trí, kết quả của công nghiệp hóa nông thôn và những vấn đề xã hội đang đặt ra trong phát triển các khu công nghiệp của huyện những năm qua và định hướng chiến lược cho những năm tới.

4.2.2. Đối với người lao động

Ngoài việc các cấp chính quyền hỗ trợ người lao động với các chính sách cụ

thể thì yếu tố quyết định vẫn là ý thức vươn lên của người lao động. Người lao động không có ý thức tự giác cập nhật kiến thức, nâng cao trình độ thì thu nhập không thể tăng như mong muốn. Vì vậy, nội lực và ý thức vươn lên của người lao động vô cùng quan trọng trong việc nâng cao thu nhập phi nông nghiệp của hộ gia đình. Do đó:

Người lao động cần phải quan tâm, tìm hiểu nhu cầu tuyển dụng, loại công việc, mức lương, và yêu cầu về trình độ học vấn, tay nghề,... để lựa chọn ngành nghề phù hợp với khả năng của mình.

Người lao động, đặc biệt là thanh niên, nhất thiết phải trang bị cho mình đầy đủ kỹ năng, không ngừng nâng cao trình độ học vấn, chuyên môn. Qua đó họ mới có khả năng tiếp cận với các cơ hội nghề nghiệp, tăng nguồn thu nhập và nhanh chóng thích ứng với tốc độ thay đổi ngày càng nhanh của nông thôn hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

- Đình Phi Hồ. (2008). *Kinh tế học nông nghiệp bền vững*, NXB Phương Đông.
- Đình Phi Hồ, Lê Ngọc Uyển và Lê Thị Thanh Tùng. (2006). *Kinh tế phát triển: Lý thuyết và thực tiễn*, NXB Thống kê.
- Epprecht, M., Le, T. , Minot, N. and Tran, A. and. (2006). *Đa dạng hóa thu nhập và đói nghèo ở miền núi phía bắc Việt Nam*, Viện Nghiên cứu Chính sách Lương thực quốc tế.
- Hoàng Trọng & Chu Nguyễn Mộng Ngọc. (2008). *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS*, NXB Hồng Đức.
- Huyện ủy Đức Hòa. (2010). *Báo cáo chính trị của Ban chấp hành Đảng bộ huyện Đức Hòa (trình Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ X)*. Đức Hòa.
- Lê Xuân Bá, Nguyễn Mạnh Hải, Trần Toàn Thắng, Vũ Xuân Nguyệt Hồng, Lưu Đức Khải. (2006). *Các yếu tố*

tác động đến quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn Việt Nam, Viện nghiên cứu quản lý kinh tế trung ương, Hà Nội.

Lê Văn Toàn. (2006). *Những yếu tố tác động đến phân tầng mức sống ở Việt Nam*. Tạp chí dân số và phát triển.

Phòng Thống kê huyện Đức Hòa (2010), *Niên giám thống kê năm 2009*.

Tổng cục Thống kê. (2008). *Kết quả khảo sát mức sống hộ gia đình năm 2006*, NXB Thống Kê.

Tiếng Anh

Lopez, R.E.(1986). *Structural Models of the Farm Household that Allow for Interdependent Utility and Profit Maximization Decision*. World Bank Publication, Washington D.C

Micevska M., & Rahut, D. B. (2007). *Rural Nonfarm Employment and Incomes in the Eastern Himalayas*.

Proceedings of the German Development Economics Conference, Gottingen 2007. Gottingen: Research Committee Development Economics.

Reardon, T. (1997). Using Evidence of Household Income Diversification to Inform Study of the Rural Non-Farm Labor Market in Africa', *World Development*, 25(5), 735-747.

Singh, I., L. Squire and J. Strauss. (1986). *Agricultural Household Models. Extensions Applications, and Policy*. The Johns Hopkins University Press, Baltimore and London.

Zhang, L.X., S. Rozelle, and J. Huang. (2001). Off-Farm jobs and on-Farm work in periods of boom and bust in rural China, *Journal of Comparative Economics*.